

Số: 41 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện công tác dân số thành phố Hà Nội năm 2023

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố năm 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Nhằm ổn định quy mô dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Chỉ tiêu

- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên: **0,1 %** so với năm 2022.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ: **87 %**.
- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (% số bà mẹ mang thai): **83%**.
- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (% số trẻ sơ sinh): **88%**.
- Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái): **không quá 112**.
- Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: **50%**
- Số người áp dụng biện pháp tránh thai (BPTT) mới: **395.030** người.

(Chi tiết theo Phụ lục số 1,2)

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền về thực hiện công tác dân số. Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018, Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội, Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2018 của UBND

thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030, Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 14/11/2016 của UBND thành phố Hà Nội về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 phê duyệt Đề án Mở rộng Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030. Đẩy mạnh các hoạt động mô hình nâng cao chất lượng dân số Thủ đô trong tình hình mới.

- Các Quận, Huyện, Thị ủy, HĐND, UBND quận, huyện, thị xã triển khai các văn bản của Trung ương và Thành phố, xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện hướng dẫn của Thành phố đến cơ sở, các Chi bộ đảng, thôn và tổ dân phố, lồng ghép công tác dân số với chương trình kinh tế - xã hội của địa phương nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Thành phố giao năm 2023.

- Các quận, huyện, thị xã kiện toàn Ban Chỉ đạo và hoàn thành việc giao chỉ tiêu kế hoạch và hướng dẫn, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn kiện toàn Ban Chỉ đạo và triển khai các hoạt động tới các thôn, tổ dân phố chậm nhất trong tháng 02/2023

2. Công tác phối hợp liên ngành

- Sở Y tế tham mưu Ban Chỉ đạo công tác Dân số Thành phố triển khai kế hoạch phối hợp các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và quận, huyện, thị xã về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về hoạt động truyền thông, giáo dục; Kiểm tra, thanh tra thực hiện công tác Dân số năm 2023; Lồng ghép các nội dung truyền thông về Dân số và phát triển phù hợp với đặc thù của từng ban, ngành, đoàn thể góp phần tạo sự đồng thuận của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chính sách dân số.

- Các cơ quan truyền thông Thành phố phối hợp đưa các tin, bài phản ánh kịp thời về các hoạt động chính của công tác dân số trong năm và tuyên truyền về các nội dung chuyên đề trong công tác dân số; các sự kiện nhân kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Tháng hành động quốc gia về dân số, ngày Dân số Việt Nam 26/12; biểu dương các gia đình, cá nhân tập thể thực hiện tốt chính sách dân số.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu đề xuất UBND Thành phố cân đối, bố trí kinh phí đảm bảo chỉ tiêu, định mức theo các Kế hoạch của Thành phố chi cho công tác Dân số; tham mưu, đề xuất UBND Thành phố phê duyệt các Đề án, Kế hoạch trong giai đoạn tới nhằm hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch của Thành phố.

- Sở Nội vụ phối hợp Sở Y tế đảm bảo biên chế, chế độ, chính sách cho viên chức dân số làm việc tại 30 quận, huyện, thị xã và 579 xã, phường, thị trấn

nhằm đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số của Thành phố.

- Sở Tư pháp, Công an Thành phố, Cục Thống kê: Tăng cường công tác quản lý dân cư, thống nhất số liệu dân số theo định kỳ; phối hợp quản lý dân số trên địa bàn Thành phố.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội: Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGD/Sở Y tế tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công tác dân số và phát triển của Thành phố, xây dựng phóng sự, đưa tin các hoạt động nổi bật về dân số của Thành phố; duy trì thực hiện chuyên mục “*Vì chất lượng dân số Thủ đô*” với các nội dung về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; phát triển thể lực, tầm vóc Người Hà Nội.

- Các Sở, ngành tập trung triển khai nhiệm vụ đã được phân công tại Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 của UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW và các Kế hoạch của UBND Thành phố về công tác dân số góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của Thành phố.

3. Công tác tổ chức cán bộ, đầu tư kinh phí, nguồn lực

- Ổn định mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp hiện nay của Thành phố theo Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng chính phủ; kiện toàn lãnh đạo Phòng Dân số; cán bộ dân số các cấp đảm bảo đủ chỉ tiêu viên chức tại phòng Dân số và viên chức của Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã làm công tác dân số tại UBND các xã, phường, thị trấn. Kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cộng tác viên dân số tại cơ sở. Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác Dân số các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2030. Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, nghiệp vụ công tác Dân số và phát triển cho cán bộ dân số các cấp; tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản của Thành phố thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới, triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch về công tác dân số của Thành phố. Tổ chức học tập và trao đổi kinh nghiệm, hợp tác, đào tạo quản lý dân số; Cử cán bộ theo học các lớp đào tạo dân số do Trung ương, Thành phố tổ chức và các tổ chức quốc tế tài trợ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tiếp tục rà soát, hướng dẫn các quận, huyện, thị xã cân đối kinh phí nguồn quận, huyện, thị xã thực hiện các Kế hoạch, Đề án chương trình về dân số của Thành phố nhằm hoàn thành chỉ tiêu Thành phố giao.

4. Thực hiện các nội dung chương trình Dân số và phát triển

a) Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 18/5/2021 của

UBND Thành phố Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình của thành phố Hà Nội đến năm 2030.

- Tập trung thực hiện Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép, cung cấp các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số ở cơ sở ngay trong Quý I/2023. Đổi mới phương thức cung cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ tới người sử dụng.

- Đảm bảo cung ứng các phương tiện tránh thai miễn phí cung cấp cho các đối tượng theo đúng hướng dẫn và chỉ tiêu kế hoạch phân bổ năm 2023. Xây dựng kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu cụ thể các biện pháp tránh thai cho từng quận, huyện, thị xã; tiếp nhận, quản lý, phân phối phương tiện tránh thai và cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đảm bảo chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các phương tiện tránh thai trên địa bàn Thành phố đáp ứng nhu cầu phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/SKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và kỹ năng quản lý đối tượng cho cán bộ dân số các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ CSSKSS/KHHGD, đảm bảo an toàn sử dụng phương tiện tránh thai.

b) Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, năm 2023 khống chế tỷ số giới tính khi sinh ở mức không quá 112/100. Tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông vận động về giới và mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Triển khai và thực hiện Đề án mở rộng Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030 theo Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022; sàng lọc khiếm thính cho trẻ em dưới 60 tháng tuổi; sàng lọc Thalassemia cho học sinh THPT ở vùng khó khăn của Thành phố; đảm bảo tiến độ, chỉ tiêu đề ra theo Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm nâng cao nhận thức, thái độ của vị thành niên/thanh niên về Kế hoạch hóa gia đình đồng thời tăng cường tư vấn và khám sức khỏe cho nam nữ thanh niên trước khi kết hôn nhằm hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Triển khai, duy trì các hoạt động can thiệp, mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số tại 30 quận, huyện, thị xã: Mô hình chăm sóc người cao tuổi tại

cộng đồng; Mô hình tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; Mô hình chăm sóc SKSS vị thành niên; Mô hình can thiệp truyền thông CSSKSS/KHHGD tới vùng dân cư đặc thù (khu Làng nghề truyền thống, khu Công nghiệp, vùng Công giáo, vùng Dân tộc ít người, vùng Dân di cư tự do); các mô hình khác theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số/Bộ Y tế

c) Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý chương trình dân số các cấp đặc biệt là Ban Chỉ đạo công tác Dân số các quận, huyện, thị xã và Ban Dân số các xã, phường, thị trấn. Tổ chức giao ban Ban Chỉ đạo công tác dân số định kỳ; đánh giá kết quả hoạt động công tác dân số định kỳ và cả năm.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn phù hợp với công tác dân số trong tình hình hiện nay. Tập huấn, bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho các báo cáo viên của quận, huyện, thị xã và báo cáo viên cấp Thành phố. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ làm công tác Dân số các cấp; đảm bảo chế độ chính sách, điều kiện làm việc cho đội ngũ công tác viên dân số theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu và dự báo dân số ở các cấp, đưa các chỉ tiêu dân số gắn với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội ngay từ cấp xã, phường, thị trấn.

- Tăng cường công tác truyền thông tại cộng đồng, đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên Đài phát thanh xã, phường, cấp phát tờ rơi, tờ gấp cho các đối tượng về sức khỏe sinh sản; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; khám sức khỏe người cao tuổi; tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác truyền thông theo các hình thức thường xuyên và các đợt cao điểm, các sự kiện. Phát động và thực hiện truyền thông cao điểm trong chiến dịch tại các xã trọng điểm và các quận, huyện, thị xã có tỷ lệ sinh và tăng sinh con thứ 3 trở lên còn cao. Đẩy mạnh truyền thông nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh ở các địa bàn có tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh cao. Tập trung tuyên truyền chính sách dân số đối với cán bộ lãnh đạo và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và các quận, huyện, thị xã và ở cơ sở. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ, nói chuyện chuyên đề, thực hiện tư vấn cho các nhóm đối tượng đặc thù.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, giao lưu học hỏi, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các nước trên thế giới về những vấn đề ưu tiên trong công tác Dân số của Việt Nam nói chung và Thủ đô nói riêng như: duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với

già hóa dân số...Đồng thời trao đổi chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương trong cả nước.

5. Thực hiện các Đề án, Kế hoạch của Thành phố

- Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/09/2022 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt Đề án Mở rộng Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.

- Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 14/11/2016 của UBND thành phố Hà Nội về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025.

- Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025. Bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm tư vấn dịch vụ Dân số - KHHGD về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030.

- Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 30/12/2021 về thực hiện "Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 25/11/2022 “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác Dân số các cấp giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

- Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.

- Tổ chức học tập trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội với các nước trong khu vực và trên thế giới.

6. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Ban Chỉ đạo công tác Dân số Thành phố tập trung giám sát triển khai nhiệm vụ trọng tâm của các quận, huyện, thị xã trong Quý I/2023; kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch của Thành ủy và UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Ban Chỉ đạo Dân số các quận, huyện, thị xã kiểm tra, giám sát các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện công tác dân số. Giám sát các hoạt động truyền thông cao điểm, trọng điểm: Ngày Dân số Thế giới 11/7, Ngày Dân số Việt Nam 26/12 và tháng hành động quốc gia về Dân số.

- Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xử lý các trường hợp vi phạm chính

sách dân số theo quy định. UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra các cơ sở y tế tư nhân về dịch vụ CSSKSS/KHHGD, các nhà sách cung cấp các ấn phẩm, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức;

- Tổ chức thực hiện các khảo sát, đánh giá, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan nhằm xây dựng, quản lý, điều hành, triển khai hoạt động và đánh giá các mục tiêu của công tác dân số về ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số và ổn định cơ cấu dân số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Cơ quan Thường trực triển khai Kế hoạch của Thành phố, tổng hợp, đánh giá các hoạt động dân số đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách của Trung ương và Thành phố giao. Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã triển khai các Kế hoạch, Đề án về dân số của Thành phố năm 2023.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện công tác Dân số năm 2023. Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố về công tác dân số.

2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Thành phố

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2023 và phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước, Bộ Y tế và Thành phố về công tác Dân số và phát triển.

- Đảm bảo các quy định về nguồn lực phục vụ công tác dân số trên địa bàn Thành phố như: Định mức kinh phí, nhân lực, biên chế và công tác tuyển dụng cán bộ ở các cấp theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

a) Giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2023

Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã hoàn thành công tác giao chỉ tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu giảm sinh con thứ 3 trở lên, chỉ tiêu sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, chỉ tiêu sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại, chỉ tiêu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ và các chỉ tiêu khác theo kế hoạch tổng thể của quận, huyện, thị xã cho các xã, phường, thị trấn. Đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Thành phố giao cho các quận, huyện, thị xã.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo: Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy và Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 của UBND Thành phố về thực hiện

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND thành phố về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác Dân số và phát triển đối với các xã, phường, thị trấn; triển khai các văn bản của Quận, Huyện, Thị ủy đến Chi bộ đảng cơ sở, thôn và tổ dân phố.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác dân số năm 2023. Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác Dân số cấp huyện, phối hợp với Sở Y tế, phối hợp liên ngành trong thực hiện các hoạt động công tác dân số tại địa phương.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của Thành phố và đảm bảo kinh phí địa phương cho hoạt động theo chỉ đạo của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện (qua Sở Y tế tổng hợp)/. *tu*

Nơi nhận: *KQ*

- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Tổng cục DS-KHHGD - BYT;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban VH-XH HĐND Thành phố;
- Sở Y tế Hà Nội;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Chi cục DS-KHHGD;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T. Huyện;
- Phòng: KGVX, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *tu*



Lê Hồng Sơn



Phụ lục 1

KẾ HOẠCH GIAO CHỈ TIÊU DÂN SỐ THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 02 /02/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2023				
		Chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3+ (%)	Tỷ lệ thai phụ được sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)
Toàn Thành phố		0,10	83	88	50,0	87
1	Ba Đình	0,01	86	88	80	89
2	Hoàn Kiếm	0,01	86	89	80	95
3	Hai Bà Trưng	0,01	86	89	80	87
4	Đống Đa	0,01	86	89	80	95
5	Thanh Xuân	0,01	86	89	70	85
6	Tây Hồ	0,01	87	89	70	86
7	Cầu Giấy	0,01	86	89	70	87
8	Hoàng Mai	0,01	84	88	70	87
9	Long Biên	0,02	84	89	60	83
10	Nam Từ Liêm	0,02	84	89	60	91
11	Bắc Từ Liêm	0,02	84	88	60	92
12	Sóc Sơn	0,15	83	88	40	95
13	Đông Anh	0,10	83	87	45	87
14	Gia Lâm	0,08	80	87	45	81
15	Thanh Trì	0,05	80	86	40	80
16	Hà Đông	0,05	81	87	40	84
17	Sơn Tây	0,10	80	87	40	92
18	Ba Vì	0,20	81	89	35	87
19	Phúc Thọ	0,20	83	86	40	82
20	Đan Phượng	0,15	80	86	40	86
21	Thạch Thất	0,20	80	86	35	90
22	Hoài Đức	0,20	80	87	40	87
23	Quốc Oai	0,10	83	88	35	86
24	Chương Mỹ	0,20	81	86	35	85
25	Thanh Oai	0,10	80	86	35	89
26	Thường Tín	0,15	83	86	35	85
27	Ứng Hòa	0,20	80	89	35	95
28	Phú Xuyên	0,15	81	86	35	79
29	Mỹ Đức	0,15	81	86	35	83
30	Mê Linh	0,10	80	86	35	82

DỰ KIẾN CHỈ TIÊU CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 02/02/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Đơn vị	Dụng cụ tử cung			Thuốc cấy tránh thai			Thuốc tiêm tránh thai			Viên uống tránh thai			Bao cao su		
		Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và XHH	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và XHH	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội và xã hội hóa
	Tổng	40.000	1.000	39.000	210	0	210	950	0	950	93.240	300	92.940	260.630	0	260.630
1	Ba Đình	790	0	790	0	0	0	0	0	0	2.220	0	2.220	15.000	0	15.000
2	Hoàn Kiếm	600	0	600	0	0	0	0	0	0	1.850	0	1.850	12.260	0	12.260
3	Hai Bà Trưng	1.250	0	1.250	0	0	0	0	0	0	3.750	0	3.750	18.500	0	18.500
4	Đống Đa	1.250	0	1.250	0	0	0	0	0	0	3.200	0	3.200	19.000	0	19.000
5	Thanh Xuân	670	0	670	10	0	10	0	0	0	3.430	0	3.430	13.500	0	13.500
6	Tây Hồ	700	0	700	0	0	0	0	0	0	1.820	0	1.820	5.500	0	5.500
7	Cầu Giấy	580	0	580	0	0	0	0	0	0	3.400	0	3.400	15.000	0	15.000
8	Hoàng Mai	1.150	0	1.150	10	0	10	0	0	0	3.900	0	3.900	17.000	0	17.000
9	Long Biên	1.180	0	1.180	10	0	10	0	0	0	5.300	0	5.300	18.000	0	18.000
10	Bắc Từ Liêm	770	0	770	13	0	13	0	0	0	4.300	0	4.300	17.000	0	17.000
11	Nam Từ Liêm	550	0	550	0	0	0	0	0	0	1.350	0	1.350	15.000	0	15.000
12	Sóc Sơn	2.200	50	2.150	15	0	15	60	0	60	6.400	0	6.400	8.150	0	8.150
13	Đông Anh	2.200	50	2.150	10	0	10	40	0	40	6.000	0	6.000	8.500	0	8.500
14	Gia Lâm	1.420	0	1.420	10	0	10	40	0	40	3.400	0	3.400	7.850	0	7.850
15	Thanh Trì	950	0	950	11	0	11	30	0	30	3.200	0	3.200	9.000	0	9.000
16	Hà Đông	1.300	50	1.250	9	0	9	0	0	0	2.550	0	2.550	5.300	0	5.300
17	Sơn Tây	1.250	50	1.200	3	0	3	40	0	40	1.800	0	1.800	3.200	0	3.200
18	Ba Vì	2.900	100	2.800	10	0	10	120	0	120	2.600	50	2.550	4.400	0	4.400
19	Phúc Thọ	1.900	60	1.840	4	0	4	60	0	60	1.800		1.800	2.800	0	2.800
20	Đan Phượng	950	30	920	9	0	9	40	0	40	2.200		2.200	3.300	0	3.300
21	Thạch Thất	1.750	100	1.650	5	0	5	70	0	70	3.700	50	3.650	5.520	0	5.520
22	Hoài Đức	1.500	40	1.460	9	0	9	70	0	70	2.200		2.200	6.000	0	6.000
23	Quốc Oai	1.700	80	1.620	8	0	8	100	0	100	3.450	50	3.400	5.000	0	5.000
24	Chương Mỹ	2.400	100	2.300	17	0	17	100	0	100	4.000	50	3.950	5.200	0	5.200
25	Thanh Oai	1.100	0	1.100	0	0	0	50	0	50	1.920		1.920	3.000	0	3.000
26	Thường Tín	2.050	50	2.000	6	0	6	30	0	30	3.300	50	3.250	4.350	0	4.350
27	Ứng Hoà	870	50	820	4	0	4	30	0	30	3.700		3.700	5.000	0	5.000
28	Phú Xuyên	1.650	40	1.610	6	0	6	10	0	10	900		900	1.200	0	1.200
29	Mỹ Đức	1.200	100	1.100	18	0	18	50	0	50	1.900	50	1.850	2.800	0	2.800
30	Mê Linh	1.220	50	1.170	13	0	13	10	0	10	3.700		3.700	4.300	0	4.300